

Bản án số: 494/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 9 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Quan
2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Mộng T, sinh năm 1976; địa chỉ: xxx Phú Thọ, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt ngày 05/9/2018; (vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Trương Trọng M, sinh năm 1968; địa chỉ: xxx Phú Thọ, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2018 và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Hồ Thị Mộng T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hồ Thị Mộng T kết hôn, chung sống với ông Trương Trọng M, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/KH-T2, Quyền số 01/95 ngày 22/02/1995. Từ nhiều năm nay giữa bà T và ông M phát sinh mâu thuẫn do hai bên có quan điểm sống khác biệt nhau dẫn đến vợ chồng thường hay tranh cãi nhau. Ông M không lo lắng cho gia đình, làm ăn được bao nhiêu tiền đều dùng cho cờ bạc hết. Năm 2016 bà T đã nộp

đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn tạo điều kiện cho ông M sửa đổi, tuy nhiên, ông M vẫn không thay đổi. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông M, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Giữa bà Hồ Thị Mộng T và ông Trương Trọng M có với nhau một con chung là Trương Tuấn A (nam, sinh ngày 21/02/1995), đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Mộng T khai vợ chồng không có tài sản chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Hồ Thị Mộng T khai vợ chồng không có nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2018 và Biên bản hòa giải ngày 14/6/2018, bị đơn ông Trương Trọng M trình bày:

Về hôn nhân: Ông M thừa nhận ông và bà Hồ Thị Mộng T tự tìm hiểu rồi tiến đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11 đúng như lời trình bày của bà T. Ông M thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm. Hai bên thường xuyên tranh cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Ông M thừa nhận có lỗi với gia đình vì ham chơi cờ bạc mà không lo lắng cho gia đình. Tuy nhiên, ông M xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông M xác nhận giữa ông và bà T có với nhau một con chung là Trương Tuấn A (nam, sinh ngày 21/02/1995), đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông Trương Trọng M khai vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Trương Trọng M khai vợ chồng không có nợ nần ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng và nghĩa vụ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hồ Thị Mộng T khởi kiện đối với và ông Trương Trọng M yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn; ông Trương Trọng M cư trú tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – bà Hồ Thị Mộng T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/9/2018. Do vậy, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn – ông Trương Trọng M đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà xxx Phú Thọ, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự và Biên bản về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/6/2018, ông M đề nghị Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông M theo địa chỉ trên. Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa 21/8/2018 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Hồ Thị Mộng T:

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Hồ Thị Mộng T và ông Trương Trọng M là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai bên có quan điểm sống khác biệt nhau. Ông M không lo lắng cho gia đình, thường xuyên cờ bạc. Năm 2016 bà T đã nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn để tạo cơ hội cho ông M sửa đổi nhưng ông M không thay đổi. Bà T xác định không còn tình cảm với ông M, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn. Xét thấy lời trình bày của bà T về mâu thuẫn vợ chồng đã được ông M thừa nhận tại Biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 nên có thể xác định được mâu thuẫn giữa hai bên nhiều năm không thể hòa giải được. Đồng thời, theo Phiếu kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường x, Quận 11 và Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11 xác nhận giữa bà Hồ Thị Mộng T và ông Trương Trọng M có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế gia đình. Do vậy, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông M do giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung:

Bà Hồ Thị Mộng T và ông Trương Trọng M có 01 con chung là Trương Tuấn A (nam, sinh ngày 21/02/1995). Con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung:

Bà Hồ Thị Mộng T khai vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung:

Bà Hồ Thị Mộng T khai vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Xét ý kiến của bị đơn – ông Trương Trọng M:

Về quan hệ hôn nhân:

Tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải ngày 14/6/2018, ông M thừa nhận giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn từ nhiều năm. Ông M thừa nhận ham chơi cờ bạc nên không lo lắng cho gia đình. Tuy nhiên, ông M xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy bà T đã nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn vào năm 2016 nhưng đã rút đơn, tạo cơ hội cho ông M thay đổi nhưng ông M vẫn không thay đổi, không tạo tình cảm và lòng tin cho bà T nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông M là không có cơ sở xem xét giải quyết nên không chấp nhận yêu cầu của ông M.

Về con chung:

Bà Hồ Thị Mộng T và ông Trương Trọng M có 01 con chung là Trương Tuấn A (nam, sinh ngày 21/02/1995). Con chung đã trưởng thành nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung:

Ông Trương Trọng M khai vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung:

Ông Trương Trọng M khai vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Bà Hồ Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mộng T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hồ Thị Mộng T được ly hôn với ông Trương Trọng M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11/KH-T2, Quyền số 01/95 do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11 cấp ngày 22/02/1995 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Hồ Thị Mộng T và ông Trương Trọng M có với nhau một con chung là Trương Tuấn A (nam, sinh ngày 21/02/1995). Con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không có tài sản chung và không có nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Hồ Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008631 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị Mộng T đã nộp đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường x, Quận 11;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Cơ Dũng